

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date : 19/03/2024

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	6.56%
2	HPG	1,600	5.50%
3	ACB	1,700	5.31%
4	TCB	1,100	5.12%
5	VPB	2,300	4.86%
6	MBB	1,400	3.77%
7	VCB	300	3.24%
8	VIC	600	3.21%
9	MWG	600	3.20%
10	STB	900	3.16%
11	VNM	400	3.15%
12	HDB	1,100	2.85%
13	MSN	300	2.71%
14	VHM	500	2.44%
15	SSI	500	2.13%
16	LPB	1,100	2.05%
17	SSB	700	1.82%
18	SHB	1,400	1.81%
19	FRT	100	1.74%
20	EIB	800	1.71%
21	VIB	600	1.55%

22	CTG	400	1.55%
23	DGC	100	1.37%
24	MSB	800	1.32%
25	VRE	400	1.28%
26	TPB	600	1.27%
27	VJC	100	1.18%
28	PNJ	100	1.13%
29	KBC	300	1.12%
30	VND	400	1.08%
31	OCB	600	1.02%
32	GAS	100	0.93%
33	GMD	100	0.90%
34	VHC	100	0.89%
35	DXG	400	0.88%
36	KDH	200	0.86%
37	GEX	300	0.79%
38	DGW	100	0.76%
39	HSG	300	0.75%
40	KDC	100	0.73%
41	REE	100	0.72%
42	DIG	200	0.71%
43	VIX	300	0.69%
44	PDR	200	0.68%
45	SAB	100	0.66%
46	HCM	200	0.63%
47	BID	100	0.60%
48	VCI	100	0.60%
49	NLG	100	0.50%
50	BVH	100	0.49%
51	PLX	100	0.42%
52	HAG	300	0.41%
53	DPM	100	0.40%
54	DCM	100	0.40%
55	GVR	100	0.38%
56	PVD	100	0.36%
57	DBC	100	0.36%
58	PVT	100	0.34%
59	HDG	100	0.34%
60	TCH	200	0.33%
61	PC1	100	0.32%
62	VCG	100	0.29%
63	SBT	200	0.29%
64	PAN	100	0.28%

010
MỘ
QUẢN
C
BÀ

65	NKG	100	0.28%
66	POW	200	0.26%
67	BCG	200	0.20%
68	EVF	100	0.19%
69	HHV	100	0.17%
II.	Tiền/Cash (VND)	33,706,011	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 861,381,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 895,087,011

Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 33,706,011

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	26,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	52,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	113,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	77,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	45,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	97,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	61,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	40,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	23,200	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

